

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI

Số: 27 /NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ngãi, ngày 28 tháng 4 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc tán thành chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã
của tỉnh Quảng Ngãi năm 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 33**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

Căn cứ Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ ban hành kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Căn cứ Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp;

Xét Tờ trình số 81/TTr-UBND ngày 26 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết tán thành chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã tỉnh Quảng Ngãi năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tán thành chủ trương sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi năm 2025 như sau:

1. Chuyển nguyên trạng huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi thành đơn vị hành chính cấp xã có tên gọi là đặc khu.

Tên gọi đơn vị hành chính mới: Đặc khu Lý Sơn.

Diện tích tự nhiên của đơn vị hành chính mới là 10,3986 km².

Quy mô dân số của đơn vị hành chính mới là 25.639 người.

Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Đặc khu Lý Sơn là hải đảo, cách biệt với đất liền nên không giáp với đơn vị hành chính liền kề.

2. Không thực hiện sắp xếp đối với xã Ba Xa, thuộc huyện Ba Tư có diện tích tự nhiên là 102,7867 km² và quy mô dân số là 5.452 người.

Các đơn vị hành chính cùng cấp liền kề: Phía Đông giáp xã Ba Tô (mới); phía Tây giáp xã Kon PLông (mới); phía Nam giáp xã Ba Tô (mới) và xã Kon PLông (mới); phía Bắc giáp xã Ba Vì (mới).

3. Sắp xếp 169 xã, phường, thị trấn thuộc 12 huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Quảng Ngãi thành 54 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 06 phường và 48 xã (*Cụ thể theo Phụ lục sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi năm 2025 đính kèm*).

4. Sau khi sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã, tỉnh Quảng Ngãi có 56 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 06 phường, 49 xã và 01 đặc khu.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 28 tháng 4 năm 2025.

2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Ngãi Khóa XIII Kỳ họp thứ 33 thông qua ngày 28 tháng 4 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- TTTU, TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, hội đoàn thể tỉnh;
- Sở Nội vụ (10 bản);
- Văn phòng UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Quảng Ngãi, Đài PTTH tỉnh;
- Trung tâm Công báo và Tin học tỉnh;
- Văn phòng ĐBQH và HĐND tỉnh: C-PCVP, các Phòng, CV;
- Lưu: VT, BPC (D).

CHỦ TỊCH



Bùi Thị Quỳnh Vân



PHỤ LỤC
SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH CẤP XÃ CỦA TỈNH QUẢNG NGÃI NĂM 2025
(Kèm theo Nghị quyết số 27/NQ-HĐND ngày 28/4/2025 của HĐND tỉnh Quảng Ngãi)

STT	Hiện trạng đơn vị hành chính			Phương án sắp xếp			
	Tên đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên (km2)	Quy mô dân số (người)	Tên đơn vị hành chính mới	Diện tích tự nhiên (km2)	Quy mô dân số (người)	Đơn vị hành chính liền kề
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Thành lập xã Tịnh Khê trên cơ sở nhập xã Tịnh Kỳ, xã Tịnh Khê, xã Tịnh Long, xã Tịnh Thiện và xã Tịnh Châu thuộc thành phố Quảng Ngãi						
	Xã Tịnh Kỳ	3,35424	11.377	Xã Tịnh Khê	46,04611	55.919	Phía Đông giáp biển Đông; phía Tây giáp phường Trương Quang Trọng (mới) và xã Thọ Phong (mới); phía Nam giáp xã An Phú (mới); phía Bắc giáp xã Đông Sơn (mới)
	Xã Tịnh Khê	16,20328	17.254				
	Xã Tịnh Long	7,91757	10.111				
	Xã Tịnh Thiện	12,01916	9.224				
	Xã Tịnh Châu	6,55186	7.953				
2	Thành lập phường Trương Quang Trọng trên cơ sở nhập phường Trương Quang Trọng, xã Tịnh Ấn Tây, xã Tịnh Ấn Đông và xã Tịnh An thuộc thành phố Quảng Ngãi						
	Phường Trương Quang Trọng	9,03963	20.898	Phường Trương Quang Trọng	34,64830	49.308	Phía Đông giáp xã Tịnh Khê (mới); phía Tây giáp xã Sơn Tịnh (mới); phía Nam giáp phường Nghĩa Lộ (mới) và xã An Phú (mới); phía Bắc giáp xã Thọ Phong (mới)
	Xã Tịnh Ấn Tây	7,09728	11.475				
	Xã Tịnh Ấn Đông	9,85896	6.836				
	Xã Tịnh An	8,65243	10.099				
3	Thành lập xã An Phú trên cơ sở nhập xã An Phú, xã Nghĩa Hà, xã Nghĩa Đông và xã Nghĩa Dũng thuộc thành phố Quảng Ngãi						
	Xã An Phú	7,69000	31.833	Xã An Phú	33,93273	71.426	Phía Đông giáp biển Đông; phía Tây giáp phường Cẩm Thành (mới); phía Nam giáp xã Tư Nghĩa (mới); phía Bắc giáp xã Tịnh Khê (mới) và phường Trương Quang Trọng (mới)
	Xã Nghĩa Hà	13,83858	18.749				
	Xã Nghĩa Đông	6,21503	10.551				
	Xã Nghĩa Dũng	6,18912	10.293				
4	Thành lập phường Cẩm Thành trên cơ sở nhập phường Trần Hưng Đạo, phường Nguyễn Nghiêm, phường Chánh Lộ và phường Nghĩa Chánh thuộc thành phố Quảng Ngãi						
	Phường Nguyễn Nghiêm	0,52729	11.792	Phường Cẩm Thành	7,93408	60.996	Phía Đông giáp xã An Phú (mới); phía Tây giáp phường Nghĩa Lộ (mới); phía Nam giáp xã Tư Nghĩa (mới); phía Bắc giáp phường Nghĩa Lộ (mới)
	Phường Trần Hưng Đạo	0,52536	12.661				
	Phường Nghĩa Chánh	4,33342	18.342				
	Phường Chánh Lộ	2,54801	18.201				

STT	Hiện trạng đơn vị hành chính			Phương án sắp xếp			
	Tên đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên (km2)	Quy mô dân số (người)	Tên đơn vị hành chính mới	Diện tích tự nhiên (km2)	Quy mô dân số (người)	Đơn vị hành chính liền kề
5	Thành lập phường Nghĩa Lộ trên cơ sở nhập phường Lê Hồng Phong, phường Trần Phú, phường Quảng Phú và phường Nghĩa Lộ thuộc thành phố Quảng Ngãi						
	Phường Lê Hồng Phong	3,25226	10.197	Phường Nghĩa Lộ	17,07376	73.556	Phía Đông giáp phường Cẩm Thành (mới); phía Tây giáp xã Nghĩa Giang (mới); phía Nam giáp xã Tư Nghĩa (mới) và xã Nghĩa Giang (mới); phía Bắc giáp xã Sơn Tịnh (mới) và phường Trương Quang Trọng (mới)
	Phường Trần Phú	2,55876	20.416				
	Phường Quảng Phú	7,30505	22.594				
	Phường Nghĩa Lộ	3,95769	20.349				
6	Thành lập phường Trà Câu trên cơ sở nhập xã Phổ An, xã Phổ Thuận, phường Phổ Văn và phường Phổ Quang thuộc thị xã Đức Phổ						
	Xã Phổ An	18,24999	13.080	Phường Trà Câu	54,46310	45.524	Phía Đông giáp biển Đông; phía Tây giáp xã Nguyễn Nghiêm (mới); phía Nam giáp phường Đức Phổ (mới); phía Bắc giáp xã Lân Phong (mới)
	Phường Phổ Văn	10,56403	10.326				
	Phường Phổ Quang	11,06179	9.973				
	Xã Phổ Thuận	14,58729	12.145				
7	Thành lập xã Nguyễn Nghiêm trên cơ sở nhập xã Phổ Phong và xã Phổ Nhơn thuộc thị xã Đức Phổ						
	Xã Phổ Nhơn	41,02341	7.335	Xã Nguyễn Nghiêm	95,33454	18.041	Phía Đông giáp phường Trà Câu (mới) và phường Đức Phổ (mới); phía Tây giáp xã Thiện Tín (mới) và xã Ba Động (mới); phía Nam giáp xã Đặng Thùy Trâm (mới); phía Bắc giáp xã Lân Phong (mới)
	Xã Phổ Phong	54,31113	10.706				
8	Thành lập phường Đức Phổ trên cơ sở nhập phường Phổ Hòa, phường Nguyễn Nghiêm, phường Phổ Ninh, phường Phổ Minh và phường Phổ Vinh thuộc thị xã Đức Phổ						
	Phường Phổ Hòa	16,37729	4.614	Phường Đức Phổ	69,32664	41.358	Phía Đông giáp biển Đông; phía Tây giáp xã Nguyễn Nghiêm (mới) và xã Đặng Thùy Trâm (mới); phía Nam giáp xã Khánh Cường (mới); phía Bắc giáp phường Trà Câu (mới)
	Phường Nguyễn Nghiêm	5,61711	11.131				
	Phường Phổ Minh	9,10647	5.456				
	Phường Phổ Vinh	15,59115	9.465				
	Phường Phổ Ninh	22,63462	10.692				
9	Thành lập xã Khánh Cường trên cơ sở nhập xã Phổ Khánh và xã Phổ Cường thuộc thị xã Đức Phổ						
	Xã Phổ Khánh	55,91033	13.997	Xã Khánh Cường	103,97994	28.964	Phía Đông giáp biển Đông; phía Tây giáp xã Đặng Thùy Trâm (mới) và tỉnh Gia Lai (mới); phía Nam giáp phường Sa Huỳnh (mới); phía Bắc giáp phường Đức Phổ (mới)
	Xã Phổ Cường	48,06961	14.967				
10	Thành lập phường Sa Huỳnh trên cơ sở nhập phường Phổ Thạnh và xã Phổ Châu thuộc thị xã Đức Phổ						
	Phường Phổ Thạnh	30,16842	25.879	Phường Sa Huỳnh	49,94836	32.396	Phía Đông giáp biển Đông; phía Tây và phía Nam giáp tỉnh Gia Lai (mới); phía Bắc giáp xã Khánh Cường (mới)
	Xã Phổ Châu	19,77994	6.517				
11	Thành lập xã Bình Minh trên cơ sở nhập xã Bình Minh, xã Bình An và xã Bình Khương thuộc huyện Bình Sơn						
	Xã Bình Minh	42,11023	10.762	Xã Bình Minh	128,60469	19.673	Phía Đông giáp xã Bình Sơn (mới); phía Tây giáp xã Đông Trà Bồng (mới); phía Nam giáp xã Bình Chương (mới); phía Bắc giáp thành phố Đà Nẵng (mới)
	Xã Bình An	47,35232	3.962				
	Xã Bình Khương	39,14214	4.949				

STT	Hiện trạng đơn vị hành chính			Phương án sắp xếp			
	Tên đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên (km2)	Quy mô dân số (người)	Tên đơn vị hành chính mới	Diện tích tự nhiên (km2)	Quy mô dân số (người)	Đơn vị hành chính liền kề
12	Thành lập xã Bình Chương trên cơ sở nhập xã Bình Chương và xã Bình Mỹ thuộc huyện Bình Sơn						
	Xã Bình Chương	17,96140	7.910	Xã Bình Chương	30,78636	16.565	Phía Đông giáp xã Bình Sơn (mới) và xã Thọ Phong (mới); phía Tây giáp xã Đông Trà Bồng (mới); phía Nam giáp xã Ba Gia (mới); phía Bắc giáp xã Bình Minh (mới) và xã Bình Sơn (mới)
	Xã Bình Mỹ	12,82496	8.655				
13	Thành lập xã Bình Sơn trên cơ sở nhập xã Bình Thạnh, xã Bình Chánh, xã Bình Dương, xã Bình Nguyên, xã Bình Trung, thị trấn Châu Ô và xã Bình Long thuộc huyện Bình Sơn						
	Xã Bình Thạnh	15,65352	17.067	Xã Bình Sơn	100,06782	89.058	Phía Đông giáp xã Vạn Tường (mới); phía Tây giáp xã Bình Minh (mới); phía Nam giáp xã Đông Sơn (mới) và xã Bình Chương (mới); phía Bắc giáp thành phố Đà Nẵng (mới) và biển Đông
	Xã Bình Chánh	12,69774	15.717				
	Xã Bình Dương	8,79871	8.632				
	Xã Bình Nguyên	26,48617	11.416				
	Xã Bình Trung	14,53135	11.537				
	Thị trấn Châu Ô	8,21653	16.552				
	Xã Bình Long	13,68380	8.137				
14	Thành lập xã Vạn Tường trên cơ sở nhập xã Bình Thuận, xã Bình Đông, xã Bình Trị, xã Bình Hải, xã Bình Hòa và xã Bình Phước thuộc huyện Bình Sơn						
	Xã Bình Thuận	18,86953	9.583	Xã Vạn Tường	109,27807	60.612	Phía Đông giáp biển Đông; phía Tây giáp xã Bình Sơn (mới); phía Nam giáp xã Đông Sơn (mới); phía Bắc giáp biển Đông
	Xã Bình Đông	13,50536	12.622				
	Xã Bình Trị	18,37567	8.975				
	Xã Bình Hải	13,33214	14.491				
	Xã Bình Hòa	21,61479	7.100				
	Xã Bình Phước	23,58058	7.841				
15	Thành lập xã Đông Sơn trên cơ sở nhập xã Bình Hiệp, xã Bình Thanh, xã Bình Tân Phú, xã Bình Châu thuộc huyện Bình Sơn và xã Tịnh Hòa thuộc thành phố Quảng Ngãi						
	Xã Bình Hiệp	13,73621	7.665	Xã Đông Sơn	115,82671	56.334	Phía Đông giáp biển Đông; phía Tây giáp xã Thọ Phong (mới); phía Nam giáp biển Đông và xã Tịnh Khê (mới); phía Bắc giáp xã Vạn Tường (mới) và xã Bình Sơn (mới)
	Xã Bình Thanh	26,43445	8.327				
	Xã Bình Tân Phú	38,57552	9.347				
	Xã Bình Châu	19,36934	17.433				
	Xã Tịnh Hòa	17,71119	13.562				
16	Thành lập xã Trường Giang trên cơ sở nhập xã Tịnh Giang, xã Tịnh Đông và xã Tịnh Minh thuộc huyện Sơn Tịnh						
	Xã Tịnh Giang	17,14455	8.146	Xã Trường Giang	51,30199	22.047	Phía Đông giáp xã Ba Gia (mới) và xã Sơn Tịnh (mới); phía Tây giáp xã Sơn Hạ (mới) và xã Cà Đam (mới); phía Nam giáp xã Trà Giang (mới) và xã Sơn Hạ (mới); phía Bắc giáp xã Ba Gia (mới) và xã Đông Trà Bồng (mới)
	Xã Tịnh Đông	24,86630	7.672				
	Xã Tịnh Minh	9,29114	6.229				

STT	Hiện trạng đơn vị hành chính			Phương án sắp xếp			
	Tên đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên (km2)	Quy mô dân số (người)	Tên đơn vị hành chính mới	Diện tích tự nhiên (km2)	Quy mô dân số (người)	Đơn vị hành chính liền kề
17	Thành lập xã Ba Gia trên cơ sở nhập xã Tịnh Bắc, xã Tịnh Hiệp và xã Tịnh Trà thuộc huyện Sơn Tịnh						
	Xã Tịnh Bắc	8,80617	5.852	Xã Ba Gia	66,13601	21.511	Phía Đông giáp xã Sơn Tịnh (mới) và xã Thọ Phong (mới); phía Tây giáp xã Trường Giang (mới) và xã Đông Trà Bồng (mới); phía Nam giáp xã Trường Giang (mới) và xã Sơn Tịnh (mới); phía Bắc giáp xã Bình Chương (mới).
	Xã Tịnh Hiệp	35,83117	9.657				
	Xã Tịnh Trà	21,49867	6.002				
18	Thành lập xã Sơn Tịnh trên cơ sở nhập xã Tịnh Bình, xã Tịnh Sơn và thị trấn Tịnh Hà thuộc huyện Sơn Tịnh						
	Xã Tịnh Bình	25,24458	11.788	Xã Sơn Tịnh	59,78458	42.380	Phía Đông giáp xã Thọ Phong (mới) và phường Trương Quang Trọng (mới); phía Tây giáp xã Ba Gia (mới) và xã Trường Giang (mới); phía Nam giáp xã Nghĩa Giang (mới), xã Trà Giang (mới) và phường Nghĩa Lộ (mới); phía Bắc giáp xã Ba Gia (mới) và xã Thọ Phong (mới).
	Xã Tịnh Sơn	14,36000	9.731				
	Thị trấn Tịnh Hà	20,18000	20.861				
19	Thành lập xã Thọ Phong trên cơ sở nhập xã Tịnh Phong và xã Tịnh Thọ thuộc huyện Sơn Tịnh						
	Xã Tịnh Phong	27,55949	13.234	Xã Thọ Phong	66,64076	27.787	Phía Đông giáp xã Đông Sơn (mới) và xã Tịnh Khê (mới); phía Tây giáp xã Ba Gia (mới), xã Sơn Tịnh (mới) và xã Bình Chương (mới); phía Nam giáp xã Sơn Tịnh (mới) và phường Trương Quang Trọng (mới); phía Bắc giáp xã Đông Sơn (mới) và xã Bình Chương (mới)
	Xã Tịnh Thọ	39,08127	14.553				
20	Thành lập xã Tư Nghĩa trên cơ sở nhập xã Nghĩa Trung, thị trấn La Hà, xã Nghĩa Hòa và xã Nghĩa Thương thuộc huyện Tư Nghĩa						
	Thị trấn La Hà	4,66844	12.176	Xã Tư Nghĩa	41,93318	59.172	Phía Đông giáp xã An Phú (mới); phía Tây giáp xã Nghĩa Giang (mới) và xã Nghĩa Hành (mới); phía Nam giáp xã Vệ Giang (mới) và xã Nghĩa Hành (mới); phía Bắc giáp phường Nghĩa Lộ (mới), phường Cẩm Thành (mới) và xã An Phú (mới)
	Xã Nghĩa Trung	12,89611	15.549				
	Xã Nghĩa Thương	14,50453	16.400				
	Xã Nghĩa Hòa	9,86410	15.047				
21	Thành lập xã Vệ Giang trên cơ sở nhập xã Nghĩa Hiệp, thị trấn Sông Vệ và xã Nghĩa Phương thuộc huyện Tư Nghĩa						
	Xã Nghĩa Hiệp	10,47753	13.487	Xã Vệ Giang	24,20753	38.683	Phía Đông giáp xã Long Phụng (mới); phía Tây giáp xã Nghĩa Hành (mới) và xã Đình Cương (mới); phía Nam giáp xã Long Phụng (mới) và xã Đình Cương (mới); phía Bắc giáp xã Tư Nghĩa (mới)
	Thị trấn Sông Vệ	6,42000	14.830				
	Xã Nghĩa Phương	7,31000	10.366				
22	Thành lập xã Nghĩa Giang trên cơ sở nhập xã Nghĩa Thuận, xã Nghĩa Kỳ và xã Nghĩa Điện thuộc huyện Tư Nghĩa						
	Xã Nghĩa Thuận	15,04160	8.975	Xã Nghĩa Giang	47,74004	39.371	Phía Đông giáp phường Nghĩa Lộ (mới) và xã Tư Nghĩa (mới); phía Tây giáp xã Trà Giang (mới); phía Nam giáp xã Nghĩa Hành (mới) và xã Phước Giang (mới); phía Bắc giáp xã Sơn Tịnh (mới)
	Xã Nghĩa Kỳ	25,52676	20.547				
	Xã Nghĩa Điện	7,17168	9.849				
23	Thành lập xã Trà Giang trên cơ sở nhập xã Nghĩa Sơn, xã Nghĩa Lâm và xã Nghĩa Thắng thuộc huyện Tư Nghĩa						
	Xã Nghĩa Sơn	37,90355	1.274	Xã Trà Giang	91,72208	20.801	Phía Đông giáp xã Nghĩa Giang (mới) và xã Phước Giang (mới); phía Tây giáp xã Trường Giang (mới) và xã Sơn Hạ (mới); phía Nam giáp xã Sơn Mai (mới); phía Bắc giáp xã Trường Giang (mới) và xã Sơn Tịnh (mới)
	Xã Nghĩa Lâm	14,55973	7.595				
	Xã Nghĩa Thắng	39,25880	11.932				

STT	Hiện trạng đơn vị hành chính			Phương án sắp xếp			
	Tên đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên (km2)	Quy mô dân số (người)	Tên đơn vị hành chính mới	Diện tích tự nhiên (km2)	Quy mô dân số (người)	Đơn vị hành chính liền kề
24	Thành lập xã Nghĩa Hành trên cơ sở nhập xã Hành Thuận, thị trấn Chợ Chùa và xã Hành Trung thuộc huyện Nghĩa Hành						
	Xã Hành Thuận	8,40413	9.121	Xã Nghĩa Hành	24,40032	31.533	Phía Đông giáp xã Tư Nghĩa (mới) và xã Vệ Giang (mới); phía Tây giáp xã Phước Giang (mới); phía Nam giáp xã Đình Cương (mới); phía Bắc giáp xã Tư Nghĩa (mới) và xã Nghĩa Giang (mới)
	Thị Trấn Chợ Chùa	7,53460	12.374				
	Xã Hành Trung	8,46159	10.038				
25	Thành lập xã Đình Cương trên cơ sở nhập xã Hành Đức, xã Hành Phước và xã Hành Thịnh thuộc huyện Nghĩa Hành						
	Xã Hành Đức	16,48036	12.124	Xã Đình Cương	53,96211	36.083	Phía Đông giáp xã Long Phụng (mới) và xã Mộ Đức (mới); phía Tây giáp xã Thiện Tín (mới) và xã Phước Giang (mới); phía Nam giáp xã Mộ Đức (mới) và xã Thiện Tín (mới); phía Bắc giáp xã Nghĩa Hành (mới) và xã Vệ Giang (mới)
	Xã Hành Phước	16,85688	14.340				
	Xã Hành Thịnh	20,62487	9.619				
26	Thành lập xã Thiện Tín trên cơ sở nhập xã Hành Thiện, xã Hành Tín Tây và xã Hành Tín Đông thuộc huyện Nghĩa Hành						
	Xã Hành Thiện	25,28092	7.502	Xã Thiện Tín	99,10045	17.357	Phía Đông giáp xã Mộ Đức (mới), xã Đình Cương (mới) và xã Nguyễn Nghiêm (mới); phía Tây giáp xã Minh Long (mới) và xã Sơn Mai (mới); phía Nam giáp xã Ba Động (mới) và xã Ba Vinh (mới); phía Bắc giáp xã Đình Cương (mới) và xã Phước Giang (mới)
	Xã Hành Tín Tây	39,18419	5.212				
	Xã Hành Tín Đông	34,63534	4.643				
27	Thành lập xã Phước Giang trên cơ sở nhập xã Hành Dũng, xã Hành Nhân và xã Hành Minh thuộc huyện Nghĩa Hành						
	Xã Hành Dũng	29,88350	8.213	Xã Phước Giang	57,02263	23.842	Phía Đông giáp xã Nghĩa Hành (mới) và xã Đình Cương (mới); phía Tây giáp xã Sơn Mai (mới) và xã Trà Giang (mới); phía Nam giáp xã Sơn Mai (mới) và xã Thiện Tín (mới); phía Bắc giáp xã Nghĩa Giang (mới)
	Xã Hành Nhân	17,54173	8.950				
	Xã Hành Minh	9,59740	6.679				
28	Thành lập xã Long Phụng trên cơ sở nhập xã Thăng Lợi, xã Đức Nhuận và xã Đức Hiệp thuộc huyện Mộ Đức						
	Xã Thăng Lợi	16,38000	16.763	Xã Long Phụng	36,10214	39.973	Phía Đông giáp biển Đông; phía Tây giáp xã Đình Cương (mới) và xã Vệ Giang (mới); phía Nam giáp xã Mỏ Cây (mới) và xã Mộ Đức (mới); phía Bắc giáp xã Vệ Giang (mới)
	Xã Đức Nhuận	10,63481	14.635				
	Xã Đức Hiệp	9,08733	8.575				
29	Thành lập xã Mỏ Cây trên cơ sở nhập xã Đức Chánh, xã Đức Thạnh và xã Đức Minh thuộc huyện Mộ Đức						
	Xã Đức Chánh	19,12484	18.993	Xã Mỏ Cây	44,79727	38.587	Phía Đông giáp biển Đông; phía Tây giáp xã Mộ Đức (mới) và xã Long Phụng (mới); phía Nam giáp xã Lân Phong (mới) và xã Mộ Đức (mới); phía Bắc giáp xã Long Phụng (mới)
	Xã Đức Thạnh	9,36461	9.749				
	Xã Đức Minh	16,30782	9.845				
30	Thành lập xã Mộ Đức trên cơ sở nhập xã Đức Hòa, xã Đức Phú, xã Đức Tân và thị trấn Mộ Đức thuộc huyện Mộ Đức						
	Xã Đức Hòa	13,54999	11.465	Xã Mộ Đức	76,16838	35.895	Phía Đông giáp xã Mỏ Cây (mới) và xã Lân Phong (mới); phía Tây giáp xã Thiện Tín (mới); phía Nam giáp xã Lân Phong (mới); phía Bắc giáp xã Long Phụng (mới), xã Mỏ Cây (mới) và xã Đình Cương (mới)
	Xã Đức Phú	42,43992	8.555				
	Xã Đức Tân	11,46132	7.469				
	Thị trấn Mộ Đức	8,71715	8.406				

STT	Hiện trạng đơn vị hành chính			Phương án sắp xếp			
	Tên đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên (km2)	Quy mô dân số (người)	Tên đơn vị hành chính mới	Diện tích tự nhiên (km2)	Quy mô dân số (người)	Đơn vị hành chính liền kề
31	Thành lập xã Lân Phong trên cơ sở nhập xã Đức Phong và xã Đức Lân thuộc huyện Mộ Đức						
	Xã Đức Phong	27,13613	19.970	Xã Lân Phong	57,01159	36.123	Phía Đông giáp biển Đông; phía Tây giáp xã Mộ Đức (mới); phía Nam giáp xã Nguyễn Nghiêm (mới) và phường Trà Câu (mới); phía Bắc giáp xã Mộ Đức (mới) và xã Mỏ Cày (mới)
	Xã Đức Lân	29,87546	16.153				
32	Thành lập xã Trà Bồng trên cơ sở nhập thị trấn Trà Xuân, xã Trà Sơn và xã Trà Thủy thuộc huyện Trà Bồng						
	Thị trấn Trà Xuân	5,93266	8.747	Xã Trà Bồng	139,42766	18.926	Phía Đông giáp xã Đông Trà Bồng (mới); phía Tây giáp xã Thanh Bồng (mới); phía Nam giáp xã Cà Đam (mới) và xã Tây Trà Bồng (mới); phía Bắc giáp thành phố Đà Nẵng (mới)
	Xã Trà Sơn	57,35420	6.240				
	Xã Trà Thủy	76,14080	3.939				
33	Thành lập xã Đông Trà Bồng trên cơ sở nhập xã Trà Bình, xã Trà Phú và xã Trà Giang thuộc huyện Trà Bồng						
	Xã Trà Bình	21,84035	5.728	Xã Đông Trà Bồng	74,82853	11.197	Phía Đông giáp xã Bình Chương (mới), xã Bình Minh (mới) và xã Ba Gia (mới); phía Tây giáp xã Trà Bồng (mới); phía Nam giáp xã Cà Đam (mới) và xã Trường Giang (mới); phía Bắc giáp thành phố Đà Nẵng (mới)
	Xã Trà Phú	15,91060	4.816				
	Xã Trà Giang	37,07758	653				
34	Thành lập xã Tây Trà trên cơ sở nhập xã Sơn Trà, xã Trà Phong và xã Trà Xinh thuộc huyện Trà Bồng						
	Xã Sơn Trà	49,90162	4.312	Xã Tây Trà	170,86227	11.617	Phía Đông giáp xã Tây Trà Bồng (mới) và xã Thanh Bồng (mới); phía Tây giáp thành phố Đà Nẵng (mới); phía Nam giáp xã Sơn Tây Thượng (mới) và xã Sơn Hà (mới); phía Bắc giáp xã Thanh Bồng (mới)
	Xã Trà Phong	40,35403	4.902				
	Xã Trà Xinh	80,60662	2.403				
35	Thành lập xã Cà Đam trên cơ sở nhập xã Trà Tân và 52,9908 km2, quy mô dân số 1.815 người của xã Trà Bù (gồm 4 thôn Niên, Tây, Tang, Quế của xã Trà Bù) thuộc huyện Trà Bồng						
	Xã Trà Tân	59,35972	2.521	Xã Cà Đam	112,35052	4.336	Phía Đông giáp xã Trường Giang (mới); phía Tây giáp xã Tây Trà Bồng (mới); phía Nam giáp xã Sơn Hà (mới) và xã Sơn Hạ (mới); phía Bắc giáp xã Trà Bồng (mới) và xã Đông Trà Bồng (mới)
	Diện tích tự nhiên 52,9908 km2 và quy mô dân số 1.815 người của 4 thôn: Niên, Tây, Tang, Quế xã Trà Bù	52,99080	1.815				
36	Thành lập xã Thanh Bồng trên cơ sở nhập xã Trà Lâm, xã Trà Hiệp và xã Trà Thanh thuộc huyện Trà Bồng						
	Xã Trà Lâm	34,66508	2.315	Xã Thanh Bồng	133,88495	7.426	Phía Đông giáp xã Trà Bồng (mới); phía Tây giáp xã Tây Trà (mới) và thành phố Đà Nẵng (mới); phía Nam giáp xã Tây Trà Bồng (mới) và xã Tây Trà (mới); phía Bắc giáp thành phố Đà Nẵng (mới)
	Xã Trà Hiệp	49,97195	2.398				
	Xã Trà Thanh	49,24792	2.713				
37	Thành lập xã Tây Trà Bồng trên cơ sở nhập xã Hương Trà, xã Trà Tây và một phần diện tích tự nhiên là 10 km2, quy mô dân số là 382 người của xã Trà Bù (gồm thôn Nước Nia của xã Trà Bù) thuộc huyện Trà Bồng						
	Xã Hương Trà	49,47508	4.607				

STT	Hiện trạng đơn vị hành chính			Phương án sắp xếp			
	Tên đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên (km2)	Quy mô dân số (người)	Tên đơn vị hành chính mới	Diện tích tự nhiên (km2)	Quy mô dân số (người)	Đơn vị hành chính liền kề
	Xã Trà Tây	69,57808	3.089	Xã Tây Trà Bồng	129,05316	8.078	Phía Đông giáp xã Cà Đam (mới); phía Tây giáp xã Tây Trà (mới); phía Nam giáp xã Sơn Hà (mới); phía Bắc giáp xã Thanh Bồng (mới) và xã Trà Bồng (mới)
	Diện tích tự nhiên 10km2 và quy mô dân số 382 người thôn Nước Nĩa của xã Trà Bui	10,00000	382				
38	Thành lập xã Sơn Hạ trên cơ sở nhập xã Sơn Hạ, xã Sơn Nham và xã Sơn Thành thuộc huyện Sơn Hà						
	Xã Sơn Hạ	39,73643	10.816	Xã Sơn Hạ	154,28944	24.775	Phía Đông giáp xã Trà Giang (mới); phía Tây giáp xã Sơn Hà (mới); phía Nam giáp xã Sơn Linh (mới) và xã Sơn Mai (mới); phía Bắc giáp xã Cà Đam (mới) và xã Trường Giang (mới)
	Xã Sơn Nham	65,82086	5.146				
	Xã Sơn Thành	48,73215	8.813				
39	Thành lập xã Sơn Linh trên cơ sở nhập xã Sơn Giang, xã Sơn Linh và xã Sơn Cao thuộc huyện Sơn Hà						
	Xã Sơn Giang	26,16237	5.328	Xã Sơn Linh	126,69744	17.139	Phía Đông giáp xã Sơn Mai (mới); phía Tây giáp xã Sơn Thủy (mới); phía Nam giáp xã Sơn Thủy (mới) và xã Minh Long (mới); phía Bắc giáp xã Sơn Hạ (mới)
	Xã Sơn Linh	64,21397	6.086				
	Xã Sơn Cao	36,32110	5.725				
40	Thành lập xã Sơn Hà trên cơ sở nhập thị trấn Di Lăng, xã Sơn Bao và xã Sơn Thượng thuộc huyện Sơn Hà						
	Thị trấn Di Lăng	56,76197	10.632	Xã Sơn Hà	163,43834	20.326	Phía Đông giáp xã Sơn Hạ (mới); phía Tây giáp xã Sơn Tây Thượng (mới) và xã Sơn Tây (mới); phía Nam giáp xã Sơn Thủy (mới) và xã Sơn Tây Hạ (mới); phía Bắc giáp xã Tây Trà Bồng (mới), xã Tây Trà (mới) và xã Cà Đam (mới)
	Xã Sơn Bao	68,31945	4.771				
	Xã Sơn Thượng	38,35692	4.923				
41	Thành lập xã Sơn Thủy trên cơ sở nhập xã Sơn Trung, xã Sơn Hải và xã Sơn Thủy thuộc huyện Sơn Hà						
	Xã Sơn Trung	27,07154	3.867	Xã Sơn Thủy	95,76813	12.658	Phía Đông giáp xã Sơn Linh (mới) và xã Minh Long (mới); phía Tây giáp xã Sơn Hà (mới) và xã Sơn Tây Hạ (mới); phía Nam giáp xã Sơn Kỳ (mới); phía Bắc giáp xã Sơn Hà (mới) và xã Sơn Hạ (mới)
	Xã Sơn Hải	24,35369	3.449				
	Xã Sơn Thủy	44,34290	5.342				
42	Thành lập xã Sơn Kỳ trên cơ sở nhập xã Sơn Kỳ và xã Sơn Ba thuộc huyện Sơn Hà						
	Xã Sơn Kỳ	142,94906	7.568	Xã Sơn Kỳ	188,06978	12.070	Phía Đông giáp xã Minh Long (mới) và xã Ba Dinh (mới); phía Tây giáp xã Sơn Tây Hạ (mới); phía Nam giáp xã Ba Vĩ (mới) và xã Kon PLông (mới); phía Bắc giáp xã Sơn Thủy (mới)
	Xã Sơn Ba	45,12072	4.502				
43	Thành lập xã Sơn Tây trên cơ sở nhập xã Sơn Long, xã Sơn Tân và xã Sơn Dung thuộc huyện Sơn Tây						
	Xã Sơn Long	48,41132	2.252	Xã Sơn Tây	127,06171	9.832	Phía Đông giáp xã Sơn Tây Hạ (mới) và xã Sơn Hà (mới); phía Tây giáp xã Sơn Tây Thượng (mới) và xã Măng Bút (mới); phía Nam giáp xã Sơn Tây Hạ (mới) và xã Kon PLông (mới);; phía Bắc giáp xã Sơn Tây Thượng (mới) và xã Sơn Hà (mới)
	Xã Sơn Tân	33,50095	3.168				
	Xã Sơn Dung	45,14944	4.412				
44	Thành lập xã Sơn Tây Thượng trên cơ sở nhập xã Sơn Mùa, xã Sơn Liên và xã Sơn Bua thuộc huyện Sơn Tây						
	Xã Sơn Mùa	40,67403	3.685	Xã Sơn Tây Thượng	122,42836	7.421	Phía Đông giáp xã Sơn Tây (mới); phía Tây giáp thành phố Đà Nẵng (mới) và xã Măng Bút (mới); phía Nam giáp xã Sơn Tây (mới); phía Bắc giáp xã Tây Trà (mới) và xã Sơn Hà (mới)
	Xã Sơn Liên	30,77682	1.746				
	Xã Sơn Bua	50,97751	1.990				

STT	Hiện trạng đơn vị hành chính			Phương án sắp xếp			
	Tên đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên (km2)	Quy mô dân số (người)	Tên đơn vị hành chính mới	Diện tích tự nhiên (km2)	Quy mô dân số (người)	Đơn vị hành chính liền kề
45	Thành lập xã Sơn Tây Hạ trên cơ sở nhập xã Sơn Tinh, xã Sơn Lập và xã Sơn Màu thuộc huyện Sơn Tây						
	Xã Sơn Tinh	49,99513	2.519	Xã Sơn Tây Hạ	136,14676	5.690	Phía Đông giáp xã Sơn Thủy (mới) và xã Sơn Kỳ (mới); phía Tây giáp xã Sơn Tây (mới); phía Nam giáp xã Sơn Kỳ (mới) và xã Kon PLông (mới); phía Bắc giáp xã Sơn Tây (mới) và xã Sơn Hà (mới)
	Xã Sơn Lập	46,51041	1.382				
	Xã Sơn Màu	39,64122	1.789				
46	Thành lập xã Minh Long trên cơ sở nhập xã Long Hiệp, xã Thanh An và xã Long Môn thuộc huyện Minh Long						
	Xã Long Hiệp	17,31441	4.905	Xã Minh Long	124,73945	10.085	Phía Đông giáp xã Thiện Tín (mới); phía Tây giáp xã Sơn Kỳ (mới), xã Sơn Thủy (mới) và xã Sơn Linh (mới); phía Nam giáp xã Ba Vinh (mới); phía Bắc giáp xã Sơn Mai (mới)
	Xã Thanh An	37,94991	3.652				
	Xã Long Môn	69,47513	1.528				
47	Thành lập xã Sơn Mai trên cơ sở nhập xã Long Mai và xã Long Sơn thuộc huyện Minh Long						
	Xã Long Mai	37,10369	4.247	Xã Sơn Mai	112,55724	9.892	Phía Đông giáp xã Thiện Tín (mới); phía Tây giáp xã Sơn Linh (mới); phía Nam giáp Minh Long (mới); phía Bắc giáp xã Sơn Hạ (mới), xã Trà Giang (mới) và xã Phước Giang (mới)
	Xã Long Sơn	75,45355	5.645				
48	Thành lập xã Ba Vi trên cơ sở nhập xã Ba Vĩ, xã Ba Tiêu và xã Ba Ngạc thuộc huyện Ba Tơ						
	Xã Ba Tiêu	40,67683	2.712	Xã Ba Vi	125,40245	11.372	Phía Đông giáp xã Ba Dinh (mới) và xã Ba Tô (mới); phía Tây giáp xã Kon PLông (mới); phía Nam giáp xã Ba Xa; phía Bắc giáp xã Sơn Kỳ (mới)
	Xã Ba Ngạc	42,22597	3.464				
	Xã Ba Vĩ	42,49965	5.196				
49	Thành lập xã Ba Tô trên cơ sở nhập xã Ba Tô, xã Ba Nam và xã Ba Lễ thuộc huyện Ba Tơ						
	Xã Ba Tô	59,15164	6.582	Xã Ba Tô	274,39618	9.555	Phía Đông giáp xã Ba Dinh (mới) và tỉnh Gia Lai (mới); phía Tây giáp xã: Ba Xa, Ba Vi (mới); phía Nam giáp tỉnh Gia Lai (mới); phía Bắc giáp xã Ba Dinh (mới)
	Xã Ba Nam	120,12551	1.093				
	Xã Ba Lễ	95,11903	1.880				
50	Thành lập xã Ba Dinh trên cơ sở nhập xã Ba Dinh và xã Ba Giang thuộc huyện Ba Tơ						
	Xã Ba Dinh	43,21734	5.535	Xã Ba Dinh	97,04831	7.257	Phía Đông giáp xã Ba Tơ (mới) và xã Ba Vinh (mới); phía Tây giáp xã Ba Tô (mới), xã Ba Vĩ (mới) và xã Sơn Kỳ (mới); phía Nam giáp xã Ba Tơ (mới) và xã Ba Tô (mới); phía Bắc giáp xã Ba Vinh (mới) và xã Minh Long (mới)
	Xã Ba Giang	53,83097	1.722				
51	Thành lập xã Ba Tơ trên cơ sở nhập thị trấn Ba Tơ, xã Ba Bích và xã Ba Cung thuộc huyện Ba Tơ						
	Xã Ba Bích	58,75847	2.343	Xã Ba Tơ	120,91234	12.263	Phía Đông giáp xã Đặng Thùy Trâm (mới) và xã Ba Động (mới); phía Tây giáp xã Ba Dinh (mới); phía Nam giáp xã Ba Tô (mới); phía Bắc giáp xã Ba Vinh (mới) và xã Ba Động (mới)
	Thị trấn Ba Tơ	32,05334	7.579				
	Xã Ba Cung	30,10053	2.341				
52	Thành lập xã Ba Vinh trên cơ sở nhập xã Ba Điền và xã Ba Vinh thuộc huyện Ba Tơ						
	Xã Ba Điền	44,42298	1.735	Xã Ba Vinh	115,00002	6.425	Phía Đông giáp xã Ba Động (mới); phía Tây giáp xã Ba Dinh (mới); phía Nam giáp xã Ba Tơ (mới) và xã Ba Dinh (mới); phía Bắc giáp xã Minh Long (mới) và xã Thiện Tín (mới)
	Xã Ba Vinh	70,57704	4.690				

STT	Hiện trạng đơn vị hành chính			Phương án sắp xếp			
	Tên đơn vị hành chính	Diện tích tự nhiên (km2)	Quy mô dân số (người)	Tên đơn vị hành chính mới	Diện tích tự nhiên (km2)	Quy mô dân số (người)	Đơn vị hành chính liền kề
53	Thành lập xã Ba Động trên cơ sở nhập xã Ba Liên, xã Ba Thành và xã Ba Động thuộc huyện Ba Tơ						
	Xã Ba Liên	41,25979	1.489	Xã Ba Động	103,00837	7.688	Phía Đông giáp xã Nguyễn Nghiêm (mới); phía Tây giáp xã Ba Vinh (mới); phía Nam giáp xã Ba Tơ (mới) và xã Đặng Thùy Trâm (mới); phía Bắc giáp xã Thiện Tín (mới)
	Xã Ba Thành	46,52876	3.344				
	Xã Ba Động	15,21982	2.855				
54	Thành lập xã Đặng Thùy Trâm trên cơ sở nhập xã Xã Ba Trang và xã Ba Khâm thuộc huyện Ba Tơ						
	Xã Ba Trang	147,65984	2.565	Xã Đặng Thùy Trâm	199,40256	4.494	Phía Đông giáp phường Đức Phổ (mới) và xã Khánh Cường (mới); phía Tây giáp xã Ba Tơ (mới) và xã Ba Tô (mới); phía Nam giáp tỉnh Gia Lai (mới); phía Bắc giáp xã Nguyễn Nghiêm (mới) và xã Ba Động (mới)
	Xã Ba Khâm	51,74272	1.929				